

<p><b>* Bài 3: Tính nhẩm</b>          - Cho HS nhẩm 2 phút rồi nêu kết quả bằng cách đổ bàn.          - Theo dõi – NX.</p> <p><b>♦ Bài 4 :</b>          - Bài tập yêu cầu chúng ta làm gì?          - Yêu cầu HS làm vở.          - GV chấm 5 vở – NX.          - Chữa bài, sau đó yêu cầu HS nêu cách đặt tính và thực hiện phép tính.</p> <p><b>♦ Bài 5 ( HS tự làm )</b>          4.Củng cố:          - Nhắc lại nội dung bài đ học          5.Dặn dò :          -Chuẩn bị : Tiền Việt Nam.</p>	<p>3/          -Thực hiện theo y/ c GV.              i.    + 300 =                    1000 – 300 =          800 + 200 =          1000 – 200 =                    500 + 500 =                    1000 – 500 =</p> <p>4/ Đặt tính rồi tính.          - 3 HS làm bảng phụ, cả lớp làm bài vào vở.          - HS nhận xét.</p>
--	--

Tuần : 31  
 Ngày 14/4/2016

**TIỀN VIỆT NAM**  
*(Chuyển dạy cùng với bài Tiền Việt Nam ở lớp 3).*

Tuần : 32  
 Ngày 15/4/2016

*(Không dạy)*

**LUYỆN TẬP**

Tuần : 32  
 Ngày 21/4/2017

**LUYỆN TẬP CHUNG**

**I.MỤC TIÊU :** Giúp HS :

- Biết cách đọc, viết, so sánh các số có ba chữ số. Phân tích số có ba chữ số theo các trăm, chục, đơn vị.

- Biết giải bài toán về nhiều hơn kèm theo đơn vị đồng.

**II.ĐỒ DÙNG DẠY – HỌC :**

-Bảng phụ.

**III.CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC :**

<b>HOẠT ĐỘNG THẦY</b>	<b>HOẠT ĐỘNG TRÒ</b>
<p><b>1.Ổn định :</b>  <b>2.Bài cũ :</b> Luyện tập.          - Yêu cầu HS lên bảng làm các bài tập sau:          Đặt tính rồi tính:          345+ 234          579-241</p>	<p>- Ht vui          -2 HS thực hiện          -HS nhận xét.</p>

<p>-Nhận xét.</p> <p><b>3.Bài mới :</b></p> <p><b>*Giới thiệu bài :</b></p> <p><b>*Hướng dẫn luyện tập.</b></p> <p><b>◆Bài 1:</b></p> <p>- Cho HS nêu y/ c</p> <p>- GV cùng HS thực hiện mẫu.</p> <p>- Yêu cầu HS tự làm bài.</p> <p>- Yêu cầu HS đổi vở để kiểm tra bài nhau.</p> <p>- GV nhận xét.</p> <p><b>◆Bài 2 : (HS tự suy nghĩ tìm kết quả)</b></p> <p><b>◆Bài 3 :</b></p> <p>- Bài tập yêu cầu chúng ta làm gì ?</p> <p>- Hãy nêu cách so sánh các số có 3 chữ số với nhau.</p> <p>- Yêu cầu HS cả lớp làm bài.</p> <p>- Chữa bài.</p> <p>- Hỏi: Tại sao điền dấu &lt; vào: <math>900 + 90 + 8 &lt; 1000</math>?</p> <p>-Hỏi tương tự với: <math>732 = 700 + 30 + 2</math></p> <p><b>◆Bài 4 :</b></p> <p>- Yêu cầu HS đọc đề bài.</p> <p>- Yêu cầu HS suy nghĩ và trả lời.</p> <p>- Vì sao em biết được điều đó?</p> <p>- Hình b đã khoanh vào một phần mấy số hình vuông, vì sao con biết điều đó?</p> <p><b>4.Củng cố:</b></p> <p>-Yêu cầu HS ôn luyện về đọc viết số có 3 chữ số, cấu tạo số, so sánh số.</p> <p><b>5.Dặn dò :</b></p> <p>-Chuẩn bị : Luyện tập chung.</p>	<p>1/</p> <p>- Bài tập yêu cầu chúng ta điền số thích hợp vào ô trống.</p> <p>- 1 HS thực hiện mẫu.</p> <p>- HS làm vở – 1 HS làm bảng phụ.</p> <p>- HS nhận xét.</p> <p>3/</p> <p>- Bài tập yêu cầu chúng ta so sánh số.</p> <p>- 1 HS trả lời.</p> <p>- 2 HS làm bảng phụ, cả lớp làm bài vào vở.</p> <p>- Vì <math>900 + 90 + 8 = 998</math> mà <math>998 &lt; 1000</math>.</p> <p>4/</p> <p>-Hình nào được khoanh vào một phần năm số hình vuông?</p> <p>- Hình a được khoanh vào một phần năm số hình vuông.</p> <p>- Vì hình a có tất cả 10 hình vuông, đã khoanh vào 2 ô hình vuông.</p> <p>- Hình b được khoanh vào một phần hai số hình vuông, vì hình b có tất cả 10 hình vuông, đã khoanh vào 5 hình vuông.</p>
---	--

Tuần : 32  
Ngày 24/4/2017

## LUYỆN TẬP CHUNG

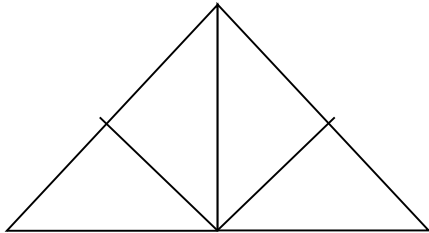
### I.MỤC TIÊU : Giúp HS:

- Biết sắp xếp các số có ba chữ số. Biết cộng trừ ( không nhớ ) các số có ba chữ số.
- Biết cộng, trừ nhẩm các số tròn chục, tròn trăm có kèm đơn vị đo. Biết xếp hình đơn giản.

### II.ĐỒ DÙNG DẠY – HỌC :

-Bảng phụ.

### III.CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC :

HOẠT ĐỘNG THẦY	HOẠT ĐỘNG TRÒ
<p><b>1.Ôn định :</b></p> <p><b>2.Bài cũ : Luyện tập chung.</b>            - Cho HS điền dấu &gt;, &lt; vào chỗ chấm.            897 ..... 987            136.....456            - GV nhận xét.</p> <p><b>3.Bài mới :</b>  <b>*Giới thiệu bài : Luyện tập chung</b>  <b>*Hướng dẫn luyện tập.</b>  <b>♦Bài 1( HS tự thực hiện )</b>  <b>♦Bài 2 :</b>            - Gọi 1 HS đọc đề bài.            - Đề xếp các số theo đúng thứ tự bài yêu cầu, chúng ta phải làm gì?            - Yêu cầu HS làm bài.            - GV nhận xét            - Yêu cầu cả lớp đọc các dãy số sau khi đã xếp đúng thứ tự.  <b>* Bài 3: ( bảng con )</b>            - Bài tập yêu cầu chúng ta làm gì?             - Cho HS làm bảng con.            - NX sau mỗi phép tính.            - Yêu cầu HS nêu các đặt tính và thực hiện phép tính cộng, trừ với số có 3 chữ số.   <b>♦Bài 4 : Tính nhẩm</b>            - Nêu yêu cầu của bài tập, sau đó yêu cầu HS tự làm bài và đối chéo vở để kiểm tra bài của nhau.            - Cho HS nêu miệng nói tiếp kết quả.            - NX.  <b>♦Bài 5 :</b>            - Bài tập yêu cầu xếp 4 hình tam giác nhỏ thành 1 hình tam giác to như hình vẽ.            - Theo dõi HS làm bài và tuyên dương những HS xếp hình tốt.</p> <p><b>4.Củng cố:</b>            - Nhắc lại nội dung bi học</p> <p><b>5.Dặn dò :</b>            -Chuẩn bị : Luyện tập chung.</p>	<p>- Ht vui</p> <p>- HS ghi vào bảng con dấu cần điền.</p> <p>2/            - 1 HS đọc, cả lớp theo dõi.            - Phải so sánh các số với nhau.</p> <p>-2 HS làm bảng phụ, cả lớp làm bài vào vở bài tập.            a) 599, 678, 857, 903, 1000            b) 1000, 903, 857, 678, 599</p> <p>3/            - Bài tập yêu cầu chúng ta đặt tính rồi tính.            - HS thực hiện bảng.</p> <p>a) <math display="block">\begin{array}{r} 635 \\ + 241 \\ \hline \end{array}</math>      b) <math display="block">\begin{array}{r} 970 \\ + 29 \\ \hline \end{array}</math>      c) <math display="block">\begin{array}{r} 896 \\ - 133 \\ \hline \end{array}</math>      d) <math display="block">\begin{array}{r} 295 \\ - 105 \\ \hline \end{array}</math></p> <p>- 1 HS đọc lại bài làm.            - 2 HS trả lời.</p> <p>4/            -HS nêu y/c BT.            -HS nhẩm và ghi kết quả.</p> <p>- HS nêu kết quả.            - NX.</p> <p>5/            - HS suy nghĩ và tự xếp hình.</p> 

## LUYỆN TẬP CHUNG

### I.MỤC TIÊU : Giúp HS :

- Biết cộng trừ ( không nhớ ) các số có ba chữ số. Biết tìm số hạng, số bị trừ.
- Biết quan hệ giữa các đơn vị đo độ dài thông dụng.

### II.ĐỒ DÙNG DẠY – HỌC :

- Bảng phụ.

### III.CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC :

HOẠT ĐỘNG THẦY	HOẠT ĐỘNG TRÒ
<p><b>1.Ôn định :</b></p> <p><b>2.Bài cũ : Luyện tập chung.</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- HS làm bảng con. 896 – 133, 295 - 105</li> <li>- GV nhận xét.</li> </ul> <p><b>3.Bài mới :</b></p> <p><b>*Giới thiệu bài : Luyện tập chung.</b></p> <p><b>*Hướng dẫn luyện tập.</b></p> <p>◆<b>Bài 1:</b> Đặt tính rồi tính.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cho HS đọc y/c BT.</li> <li>- Cho HS làm bảng con.</li> <li>- GVNX.</li> <li>- Hỏi cách đặt tính và cách tính, cộng trừ với số có 3 chữ số.</li> </ul> <p>◆<b>Bài 2 :</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bài toán yêu cầu chúng ta làm gì?</li> <li>- Yêu cầu HS tự làm bài.</li> </ul> <p>-Hỏi lại HS về cách tìm số hạng, tìm số bị trừ, số trừ.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhận xét.</li> </ul> <p>◆<b>Bài 3 :</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cho HS nêu y/ c BT.</li> <li>- Gọi HS nêu cách thực hiện.</li> <li>- Cho HS tự làm.</li> <li>- GV chấm 5 vở – nhận xét.</li> </ul> <p><b>4.Củng cố:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhắc lại nội dung bài đ học</li> </ul> <p><b>5.Dặn dò :</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>-Chuẩn bị : Kiểm tra.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hát vui</li> <li>- HS làm bảng con.</li> </ul> <p>1/                  - 1 HS đọc y/ c BT.                  - HS thực hiện BT.                  - NX.                  - 2 HS nêu.</p> <p>2/                  - Bài toán yêu cầu chúng ta tìm x                  - 2 HS làm bảng phụ – Cả lớp làm VBT.                  a) <math>300 + x = 800</math>    <math>x + 700 = 1000</math>  <math>x = 800 - 300</math>    <math>x = 1000 - 700</math>  <math>x = 500</math>    <math>x = 300</math></p> <p>b) <math>x - 600 = 100</math>    <math>700 - x = 400</math>  <math>x = 100 + 600</math>    <math>x = 700 - 400</math>  <math>x = 700</math>    <math>x = 300</math></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- 3 HS trả lời.</li> </ul> <p>3/                  -1 HS nêu.                  -Cộng các số trong phép tính cộng của từng vế.                  - HS làm vở – 1 HS làm bảng phụ.                  - Nhận xét- Sửa sai.</p>

Tuần : 33  
 Ngày 26/4/2017  
**ÔN TẬP VỀ CÁC SỐ  
 TRONG PHẠM VI 1000**

**I.MỤC TIÊU :** Giúp HS :

- Biết đọc, viết các số có ba chữ số. Biết đếm thêm một số đơn vị trong trường hợp đơn giản.
- Biết so sánh các số có ba chữ số. Nhận biết số bé nhất, số lớn nhất có ba chữ số.

**II.ĐỒ DÙNG DẠY – HỌC :**

- Bảng phụ.

**III.CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC :**

HOẠT ĐỘNG THẦY	HOẠT ĐỘNG TRÒ
<p><b>1.Ổn định :</b></p> <p><b>2.Bài cũ : Luyện tập chung</b>                      -GV nhận xét bài kiểm tra.</p> <p><b>3.Bài mới :</b>                      *Giới thiệu bài :                      - Các em đã được học đến số nào?                      - Trong giờ học các em sẽ được ôn luyện về các số trong phạm vi 1000.                      *Hướng dẫn ôn tập.                      ♦<b>Bài 1:</b>                      - Nêu yêu cầu của bài tập, sau đó GV đọc cho HS ghi vào bảng con.                      - Nhận xét bài làm của HS.                      - Yêu cầu : Tìm các số tròn chục trong bài.                      - Tìm các số tròn trăm có trong bài.                      - Số nào trong bài là số có 3 chữ số giống nhau?                      ♦<b>Bài 2 :</b>                      - Bài tập yêu cầu chúng ta làm gì?                      - Yêu cầu cả lớp theo dõi nội dung phần a.                      - Điền số nào vào ô trống thứ nhất?                      - Vì sao?                      - Yêu cầu HS điền tiếp vào các ô trống còn lại của phần a, sau đó cho HS đọc tiếp các dãy số này và giới thiệu: Đây là dãy số tự nhiên liên tiếp từ 380 đến 390.                      - Yêu cầu HS tự làm các phần còn lại và chữa bài.                      ♦<b>Bài 3 : ( HS tự tìm số điền vào chỗ chấm )</b>                      ♦<b>Bài 4 :</b>                      - Hãy nêu yêu cầu của bài tập.</p>	<p>- Hát vui</p> <p>-Số 1000.</p> <p>1/                      -HS viết vào bảng con.</p> <p>- HS nhận xét.                      - Đó là 250.</p> <p>- Đó là số 900.                      - Số 555 có 3 chữ số giống nhau, cùng là 5.</p> <p>2/                      - Bài tập yêu cầu chúng ta điền số còn thiếu vào ô trống.</p> <p>- Điền 382.                      - Vì đếm 380, 381, sau đó đến 382.</p> <p>- HS tự làm các phần còn lại và chữa bài.</p> <p>4/                      - So sánh số và điền dấu thích hợp.                      - 1 HS làm bảng phụ – Cả lớp làm vở.</p>

<p>- Yêu cầu HS tự làm bài, sau đó giải thích cách so sánh 2 phép tính:  <math>534 \dots 500 + 34</math>  <math>909 \dots 902 + 7</math></p> <p>- GV chấm 5 vở – nhận xét.          - Chữa bài.</p> <p>♦ <b>Bài 5 :</b></p> <p>- Đọc từng yêu cầu của bài và yêu cầu HS viết số vào bảng con.          - Nhận xét bài làm của HS.</p> <p><b>4.Củng cố:</b></p> <p>- Nhắc lại nội dung bài đ học</p> <p><b>5.Dặn dò :</b></p> <p>-Chuẩn bị: Ôn tập về các số trong phạm vi 1000 (tiếp theo).</p>	<p>- HS trình bày – nhận xét.</p> <p>- HS làm bảng con:          a) 100, b) 999, c) 1000</p>
---	--

Tuần : 33  
 Ngày 27/4/2017

### ÔN TẬP VỀ CÁC SỐ TRONG PHẠM VI 1000 (Tiếp theo)

**I.MỤC TIÊU :** Giúp HS:

- Biết đọc, viết các số có ba chữ số. Biết phân tích các số có ba chữ số thành các trăm, các chục, các đơn vị và ngược lại.
- Biết sắp xếp các số có đến ba chữ số theo thứ tự từ bé đến lớn và ngược lại.

**II.ĐỒ DÙNG DẠY – HỌC :**

- Bảng phụ.

**III.CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC :**

HOẠT ĐỘNG THẦY	HOẠT ĐỘNG TRÒ
<p><b>1.Ổn định :</b></p> <p><b>2.Bài cũ :</b> Ôn tập về các số trong phạm vi 1000.                      - GV đọc cho HS viết vào bảng con các số: 345, 698, 740                      - GV nhận xét.</p> <p><b>3.Bài mới :</b></p> <p><b>*Giới thiệu bài :</b> Ôn tập về các số trong phạm vi 1000 (tiếp theo).  <b>*Hướng dẫn ôn tập.</b></p> <p>♦ <b>Bài 1:</b></p> <p>- Nêu yêu cầu của bài tập, sau đó cho HS tự làm bài.                      - Cho HS tự làm.                      - Nhận xét bài làm của HS.</p> <p>♦ <b>Bài 2 :</b></p> <p>- Viết số 842 lên bảng và hỏi: Số 842 gồm mấy trăm, mấy chục và mấy, đơn vị.                      - Hãy viết số này thành tổng trăm, chục,</p>	<p>- Ht vui</p> <p>- HS viết bảng con.                      - HS nhận xét.</p> <p>1/                      - Làm bài vào vở, 2 HS làm bảng phụ .                      - HS nhận xét.</p> <p>2/                      - Số 842 gồm 8 trăm, 4 chục và 2 đơn vị.                      - 2 HS lên bảng viết số, cả lớp làm bài</p>

<p>đơn vị. + Nhận xét và rút ra kết luận: <math>842 = 800 + 40 + 2</math> - Yêu cầu HS tự làm tiếp các phần còn lại của bài, sau đó chữa bài. ♦<b>Bài 3 :</b> - Cho HS đọc y/ c BT. - Yêu cầu HS tự làm bài, sau đó gọi HS đọc bài làm của mình trước lớp, chữa bài. ♦<b>Bài 4 :</b> - Viết lên bảng dãy số 462, 464, 466, . . . và hỏi: 462 và 464 hơn kém nhau mấy đơn vị? - 464 và 466 hơn kém nhau mấy đơn vị? - Vậy hai số đứng liền nhau trong dãy số này hơn kém nhau mấy đơn vị? GV: Đây là dãy số đếm thêm 2, muốn tìm số đứng sau, ta lấy số đứng trước cộng thêm 2. -Chấm 5 vở –nhận xét. <b>4.Củng cố:</b> - Nhắc lại nội dung bài đ học <b>5.Dặn dò :</b> -Chuẩn bị: Ôn tập về phép cộng và trừ.</p>	<p>ra nháp.  - 1 HS làm bảng phụ, cả lớp làm bài vào vở .  3/ -1 HS đọc y/c. -HS tự làm bài, chữa bài. 4/ - 462 và 464 hơn kém nhau 2 đơn vị.  - 464 và 466 hơn kém nhau 2 đơn vị. - 2 đơn vị.  -HS làm vở. -1 HS làm bảng phụ. - Nhận xét.</p>
---	---

Tuần : 33  
Ngày dạy: 28/4/2017

### ÔN TẬP VỀ PHÉP CỘNG VÀ PHÉP TRỪ

**I.MỤC TIÊU :** Giúp HS :

- Biết cộng, trừ nhằm các số tròn chục, tròn trăm. Biết làm tính cộng, trừ có nhớ trong phạm vi 100.
- Biết làm cộng trừ không nhớ các số có đến ba chữ số. Biết giải bài toán bằng một phép cộng.

**II.ĐỒ DÙNG DẠY – HỌC :**

- Bảng phụ.

**III.CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC :**

HOẠT ĐỘNG THẦY	HOẠT ĐỘNG TRÒ
<p><b>1.Ôn định :</b> <b>2.Bài cũ :</b> Ôn tập về các số trong phạm vi 1000. <b>3.Bài mới :</b> <b>*Giới thiệu bài :</b> Ôn tập về phép cộng và trừ <b>*Hướng dẫn ôn tập.</b> <b>♦ Bài 1:</b></p>	<p>- Ht vui          1/</p>

<p>- Cho HS nêu yêu cầu của bài tập, sau đó cho HS nhẩm 3 phút rồi nêu kết quả nối tiếp.</p> <p>- Nhận xét bài làm của HS.</p> <p>♦<b>Bài 2 : Tính ( Chỉ làm cột 1, 2 , 4 còn cột 2 HS tự tìm kết quả )</b></p> <p>- Nêu yêu cầu của bài</p> <p>- Cho HS làm bảng con.</p> <p>- Yêu cầu HS nêu cách đặt tính và thực hiện phép tính của một số con tính.</p> <p>- Nhận xét bài của HS.</p> <p>♦<b>Bài 3 :</b></p> <p>- Gọi 1 HS đọc đề bài.</p> <p>- Có bao nhiêu HS gái?</p> <p>- Có bao nhiêu HS trai?</p> <p>- Làm thế nào để biết tất cả trường có bao nhiêu HS?</p> <p>- Yêu cầu HS làm bài.</p> <p>- Chấm 5 vở- NX.</p> <p>-Chữa bài.</p> <p>♦<b>Bài 4 : ( HS về tự tìm kết quả )</b></p> <p><b>4.Củng cố:</b></p> <p>- Nhắc lại nội dung bài đ học</p> <p><b>5.Dặn dò :</b></p> <p>Chuẩn bị: Ôn tập phép cộng, trừ.</p>	<p>- HS nêu y/c BT.</p> <p>- HS nối tiếp nhau đọc bài làm của mình trước lớp, mỗi HS chỉ đọc 1 con tính.</p> <p>- HS nhận xét.</p> <p>2/</p> <p>- 1 HS đọc y/ c BT.</p> <p>- HS làm bảng con.</p> <p>3/</p> <p>- Một trường tiểu học có 265 HS gái và 234 HS trai. Hỏi trường tiểu học đó có bao nhiêu HS.</p> <p>- Có 265 HS gái.</p> <p>- Có 224 HS trai.</p> <p>- Thực hiện phép tính cộng số HS gái và số HS trai với nhau.</p> <p>- 1 HS làm bảng phụ – cả lớp làm vở.</p> <p style="text-align: center;"><b>Bài giải</b></p> <p style="text-align: center;">Số HS trường đó có là:  <math>265 + 234 = 499</math> (HS)  <u>Đáp số:</u> 449 HS.</p>
--	---

Tuần : 33

Ngày dạy:..../5/2017

### ÔN TẬP VỀ PHÉP CỘNG VÀ PHÉP TRỪ ( tt )

**I.MỤC TIÊU :** Giúp HS :

-Biết cộng, trừ nhẩm các số tròn chục, tròn trăm. Biết làm tính cộng, trừ có nhớ trong phạm vi 100.

-Biết làm cộng trừ không nhớ các số có đến ba chữ số. Biết giải bài toán về ít hơn.

Biết tìm số bị trừ, tìm số hạng của một tổng.

**II.ĐỒ DÙNG DẠY – HỌC :**

Bảng phụ.

**III.CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC :**

HOẠT ĐỘNG THẦY	HOẠT ĐỘNG TRÒ
<p><b>1.Ôn định :</b></p> <p><b>2.Bài cũ :</b> Ôn tập về phép cộng và phép trừ.</p> <p>- Cho HS làm bảng con : <math>154 + 23</math></p>	<p>- Ht vui</p> <p>- HS đặt tính rồi tính.</p>



721 + 165	
<p>- GV nhận xét.</p> <p><b>3. Bài mới :</b></p> <p><b>*Giới thiệu bài :</b></p> <p><b>*Hướng dẫn ôn tập.</b></p> <p><b>♦ Bài 1: Tính nhẩm.</b></p> <p>- Gọi HS nêu yêu cầu của bài tập</p> <p>- Cho HS tự làm.</p> <p>- Nhận xét bài làm của HS.</p> <p><b>♦ Bài 2 : Đặt tính rồi tính.</b></p> <p>- Cho HS đọc y/c BT.</p> <p>- Cho HS làm bảng con.</p> <p>- Yêu cầu HS nêu cách đặt tính và thực hiện phép tính của một số con tính.</p> <p>- Nhận xét bài của HS.</p> <p><b>♦ Bài 3 :</b></p> <p>- Gọi 1 HS đọc đề bài.</p> <p>- Yêu cầu HS tự làm bài.</p> <p>- Chấm 5 vở – nhận xét.</p> <p><b>♦ Bài 4 : (HS tự suy nghĩ tìm kết quả)</b></p> <p><b>♦ Bài 5 :</b></p> <p>- Bài toán yêu cầu chúng ta làm gì?</p> <p>- Yêu cầu HS tự làm bài và nêu cách làm của mình.</p> <p>- Nhận xét bài làm HS.</p> <p><b>4. Củng cố:</b></p> <p>- Nhắc lại nội dung bài đã học</p> <p><b>5. Dặn dò :</b></p> <p>- Chuẩn bị: Ôn tập về phép nhân và chia.</p>	<p>1/</p> <p>- HS nhẩm ( 3' ) 9 HS nối tiếp nhau đọc bài làm của mình trước lớp, mỗi HS chỉ đọc 1 con tính.</p> <p>2/</p> <p>- 1 HS đọc y/c.</p> <p>- HS làm bảng con.</p> <p>- 2 HS nêu.</p> <p>3/</p> <p>- Anh cao 165 cm, em thấp hơn anh 33cm. Hỏi em cao bao nhiêu xăngtimet?</p> <p>- 1 HS làm bảng phụ, cả lớp làm bài vào vở bài tập.</p> <p style="text-align: center;">Bài giải.</p> <p>Em cao là:</p> $165 - 33 = 132 \text{ (cm)}$ <p style="text-align: center;">Đáp số: 132 cm.</p> <p>5/</p> <p>- Tìm x.</p> <p>- HS tự làm và đổi vở kiểm chéo.</p> <p>- HS trình bày bảng phụ.</p> <p>- HS nhận xét.</p>

Tuần : 33

Ngày ..../5/2017

## ÔN TẬP PHÉP NHÂN VÀ PHÉP CHIA

### I. MỤC TIÊU : Giúp HS:

- Thuộc bảng nhân và bảng chia 2, 3, 4, 5 để tính nhẩm. Biết tính giá trị của biểu thức có hai dấu phép tính ( trong đó có một dấu nhân hoặc chia; nhân, chia trong phạm vi bảng tính đã học ).

- Biết tìm số bị chia, tích. Biết giải bài toán có một phép nhân.

### II. ĐỒ DÙNG DẠY – HỌC :

- Bảng phụ.

### III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC :

<b>HOẠT ĐỘNG THẦY</b>	<b>HOẠT ĐỘNG TRÒ</b>
-----------------------	----------------------

<p><b>1. Ôn định :</b></p> <p><b>2. Bài cũ :</b> Ôn tập về phép cộng và phép trừ.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Khoanh vào chữ đặt trước kết quả đúng.  <math>X - 21 = 32 \quad x = ?</math>  A. 43    B. 33    C. 45</li> <li>- GV nhận xét.</li> </ul> <p><b>3. Bài mới :</b></p> <p><b>*Giới thiệu bài : Ôn tập về phép nhân và chia.</b></p> <p><b>*Hướng dẫn ôn tập.</b></p> <p><b>* Bài 1: Tính nhẩm</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cho HS nêu yêu cầu của bài tập, sau đó cho HS tự làm bài 4 phút.</li> <li>- GV nhận xét.</li> <li>- Yêu cầu HS làm tiếp phần b.</li> <li>- Yêu cầu HS nêu cách tính nhẩm của từng con tính.</li> <li>- Nhận xét bài làm của HS.</li> </ul> <p><b>♦ Bài 2 : Tính</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cho HS nêu y/ c BT.</li> <li>- Y/ C HS làm bảng con.</li> <li>- GVNX</li> <li>- Cho HS nêu cách thực hiện từng dãy tính.</li> </ul> <p><b>♦ Bài 3 :</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Gọi 1 HS đọc đề bài.</li> <li>- HS lớp 2A xếp thành mấy hàng?</li> <li>- Mỗi hàng có bao nhiêu HS?</li> <li>- Vậy để biết tất cả lớp có bao nhiêu HS ta làm ntn?</li> <li>- Cho HS tự làm.</li> <li>- GV chấm 5 vở –NX.</li> <li>- Chữa bài HS.</li> <li>- Hỏi : Tại sao ta thực hiện phép tính nhân.</li> </ul> <p><b>♦ Bài 4 : ( HS tự suy nghĩ tìm kết quả )</b></p> <p><b>♦ Bài 5 :</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bài toán yêu cầu chúng ta làm gì?</li> <li>- Yêu cầu HS tự làm bài và nêu cách làm của mình.</li> <li>- Cho HS đổi vở kiểm tra.</li> <li>- Nhận xét bài bảng phụ.</li> <li>- Gọi HS nhắc lại cách tìm thừa số và số</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Ht vui</li> <li>- HS ghi kết quả chọn vào bảng con.</li> </ul> <p>1/</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Làm bài vào vở. 16 HS nối tiếp nhau đọc bài làm phần a của mình trước lớp, mỗi HS chỉ đọc 1 con tính.</li> <li>- 4 HS lên bảng làm bài, cả lớp làm bài vào vở.</li> <li>- 4 HS vừa lên bảng lần lượt trả lời.</li> </ul> <p>2/</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- 1 HS nêu.</li> <li>- HS làm bảng con.</li> <li>- 2 HS nêu cách thực hiện dãy tính có 2 phép tính.</li> </ul> <p>3/</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- HS lớp 2A xếp thành 8 hàng, mỗi hàng có 3 HS. Hỏi lớp 2A có bao nhiêu HS?</li> <li>- Xếp thành 8 hàng.</li> <li>- Mỗi hàng có 3 HS.</li> <li>- HS làm vở – 1 HS làm bảng phụ.</li> </ul> <p style="text-align: center;">Bài giải Số HS của lớp 2A là: <math>3 \times 8 = 24</math> (HS) Đáp số: 24 HS.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- 1 HS nêu.</li> </ul> <p>5/</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tìm x.</li> <li>- HS tự làm .</li> <li>- Kiểm tra bài chéo.</li> <li>- HS – bổ sung bài ở bảng phụ.</li> </ul>
--	---

bị chia. <b>4.Củng cố:</b> - Nhắc lại nội dung bài đ học <b>5.Dặn dò :</b> -Chuẩn bị: Ôn tập về phép nhân và phép chia (TT).	- Nhắc lại cách tìm số bị chia, thừa số.
--	--

**ÔN TẬP VỀ PHÉP NHÂN  
VÀ PHÉP CHIA (TIẾP THEO)**

**I.MỤC TIÊU :** Giúp HS:

- Thuộc bảng nhân và bảng chia 2, 3, 4, 5 để tính nhẩm. Biết tính giá trị của biểu thức có hai dấu phép tính ( trong đó có một dấu nhân hoặc chia; nhân, chia trong phạm vi bảng tính đã học ).

- Biết giải bài toán có một phép chia. Nhận biết một phần mấy của một số.

**II.ĐỒ DÙNG DẠY – HỌC :**

- Bảng phụ.

**III.CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC :**

HOẠT ĐỘNG THẦY	HOẠT ĐỘNG TRÒ
<p><b>1.Ôn định :</b></p> <p><b>2.Bài cũ : Ôn tập về phép nhân và phép chia</b> Chọn chữ đặt trước kết quả đúng cho phép tính sau: <math>24 + 15 - 8 = ?</math> A. 39    B. 7    C. 31</p> <p>- GV nhận xét.</p> <p><b>3.Bài mới :</b></p> <p><b>*Giới thiệu bài :</b></p> <p><b>*Hướng dẫn ôn tập.</b></p> <p><b>◆Bài 1:</b></p> <p>- Cho HS nêu yêu cầu của bài tập,. - Gọi HS nhẩm kết quả - Y/ C HS nêu kết quả nối tiếp. - Hỏi : khi biết <math>4 \times 9 = 36</math> có thể ghi ngay kết quả của <math>36 : 4</math> không? Vì sao? - Nhận xét bài làm của HS.</p> <p><b>◆Bài 2 :</b></p> <p>- GV nêu y/c BT. - Cho HS làm cột 1 vào bảng con - GV nhận xét – Gọi HS nêu cách thực hiện.</p> <p><b>◆Bài 3 :</b></p> <p>- Gọi 1 HS đọc đề bài.</p> <p>- Có tất cả bao nhiêu bút chì màu? - Chia đều cho 3 nhóm nghĩa là chia ntn? - Vậy để biết mỗi nhóm nhận được mấy chiếc bút chì màu ta làm ntn? - GV chấm 5 vở – nhận xét. - Chữa bài ở bảng phụ cho HS.</p>	<p>- Ht vui</p> <p>- HS làm bảng con.</p> <p>1/ -1 HS nêu. -Nhẩm kết quả -Nêu kết quả. -Có thể ghi ngay kết quả <math>36:4=9</math> vì nếu lấy tích chia cho thừa số này thì sẽ được thừa số kia.</p> <p>2/ -Theo dõi. -HS làm bảng con cột thứ 1. -Nhận xét – Nêu cách thực hiện mỗi dãy tính.( thực hiện từ trái sang phải )</p> <p>3/ -Có 27 bút chì màu, chia đều cho 3 nhóm. Hỏi mỗi nhóm có mấy bút chì màu ? - Có tất cả 27 bút chì màu. - Nghĩa là chia thành 3 phần bằng nhau. - HS tự làm.</p> <p><u>Bài giải.</u> Số bút chì màu mỗi nhóm nhận</p>

<p><b>♦ Bài 5 : ( HS tự suy nghĩ tìm kết quả )</b> <b>4.Củng cố – Dặn dò :</b> -Chuẩn bị: Ôn tập về đại lượng Luyện tập.</p>	<p>được là: <math>27 : 3 = 9</math> (chiếc bút) <u>Đáp số:</u> 9 chiếc bút.</p>
--	---

## ÔN TẬP VỀ ĐẠI LƯỢNG

### I.MỤC TIÊU : Giúp HS :

- Biết xem đồng hồ khi kim phút chỉ vào số 12, số 3, số 6.
- Biết ước lượng độ dài trong một số trường hợp đơn giản. Biết giải bài toán có gắn với các số đo ( lít, đồng )

### II.ĐỒ DÙNG DẠY – HỌC :

- Bảng phụ.

### III.CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC :

HOẠT ĐỘNG THẦY	HOẠT ĐỘNG TRÒ
<p><b>1.Ổn định :</b></p> <p><b>2.Bài cũ :</b> Ôn tập về phép nhân và phép chia (TT)</p> <p>- Y/ C HS nêu : <math>1m = \dots\dots\dots cm</math> <math>1 km = \dots\dots\dots m</math></p> <p>-GV nhận xét.</p> <p><b>3.Bài mới :</b></p> <p><b>*Giới thiệu bài :</b></p> <p><b>*Hướng dẫn ôn tập.</b></p> <p><b>◆Bài 2 :</b></p> <p>- Gọi HS đọc đề bài toán.</p> <p>-Hướng dẫn HS phân tích đề bài, thống nhất phép tính sau đó yêu cầu các em làm bài.</p> <p>- Chấm 5 vở – nhận xét.</p> <p>- Nhận xét bài của HS.</p> <p><b>◆Bài 4 :</b></p> <p>- Bài tập yêu cầu các em tưởng tượng và ghi lại độ dài của một số vật quen thuộc như bút chì, ngôi nhà, . . .</p> <p>- Cho HS thảo luận nhóm đôi ( 3’ )</p> <p>- Gọi HS trình bày – nhận xét sửa sai.</p> <p>- Nói chiếc bút bi dài 15mm có được không? Vì sao?</p> <p>- Nói chiếc bút bi dài 15dm có được không? Vì sao?</p> <p><b>4.Củng cố:</b></p> <p>- Nhắc lại nội dung bài đ học</p> <p><b>5.Dặn dò :</b></p> <p>-Chuẩn bị: Ôn tập về đại lượng (TT).</p>	<p>- Ht vui</p> <p>- HS suy nghĩ và nêu miệng kết quả.</p> <p>2/</p> <p>- Can bé đựng 10 lít nước mắm, can to đựng nhiều hơn can bé 5 lít nước mắm. Hỏi can to đựng được bao nhiêu lít nước mắm?</p> <p>- HS tự làm vào vở – 1 HS làm bảng phụ.</p> <p>- Nhận xét bài làm của bạn.</p> <p style="text-align: center;">Bài giải.</p> <p style="text-align: center;">Số lít nước mắm can to đựng là:</p> <p style="text-align: center;"><math>10 + 5 = 15 (l)</math></p> <p style="text-align: center;"><u>Đáp số:</u> 15 l.</p> <p>- HS thảo luận nhóm đôi</p> <p>- HS trình bày.</p> <p>-Vi 15 mm quá ngắn, không có chiếc bút bi bình thường nào lại ngắn như thế?</p> <p>- Không được vì như thế là quá dài.</p>

Tuần : 34

Ngày 5/5/2017

## ÔN TẬP VỀ ĐẠI LƯỢNG (tt)

### I.MỤC TIÊU : Giúp HS :

- Nhận biết thời gian được dành cho một số hoạt động. Ôn tập về các đơn vị đo của các đại lượng đã học.

- Biết giải bài toán liên quan đến đơn vị kg; km.

### II.ĐỒ DÙNG DẠY – HỌC :

- Bảng phụ.

### III.CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC :

HOẠT ĐỘNG THẦY	HOẠT ĐỘNG TRÒ
<p><b>1.Ôn định :</b></p> <p><b>2.Bài cũ : Ôn tập về đại lượng.</b></p> <p>- Cho 2 HS lên quay kim đồng hồ chỉ 2 giờ 15 phút ; 3 giờ 30 phút.</p> <p>- GV nhận xét.</p> <p><b>3.Bài mới :</b></p> <p><b>*Giới thiệu bài :</b></p> <p><b>*Hướng dẫn ôn tập.</b></p> <p>◆<b>Bài 1:</b></p> <p>- Gọi 1 HS đọc bảng thống kê các hoạt động của bạn Hà.</p> <p>- Hà dành nhiều thời gian nhất cho hoạt động nào?</p> <p>- Thời gian Hà dành cho việc học là bao lâu?</p> <p>◆<b>Bài 2 :</b></p> <p>- Gọi HS đọc đề bài toán.</p> <p>-Hướng dẫn HS phân tích đề bài, thống nhất phép tính sau đó yêu cầu các em làm bài.</p> <p>- Nhận xét bài của HS.</p> <p>◆<b>Bài 3 :</b></p> <p>- Gọi 1 HS đọc đề bài toán.</p> <p>-Hướng dẫn HS phân tích đề bài, thống nhất phép tính sau đó yêu cầu các em làm bài.</p> <p>- Chấm 5 vở – nhận xét.</p> <p>- Nhận xét bài của HS.</p> <p><b>4.Củng cố:</b></p> <p>- Nhắc lại nội dung bài đ học</p> <p><b>5.Dặn dò :</b></p>	<p>- Ht vui</p> <p>- 2 HS lên bảng thực hiện, bạn nhận xét.</p> <p>1/</p> <p>- 1 HS đọc, cả lớp theo dõi trong SGK.</p> <p>- Hà dành nhiều thời gian nhất cho việc học.</p> <p>- Thời gian Hà dành cho việc học là 4 giờ.</p> <p>2/</p> <p>-Bình cân nặng 27 kg, Hải nặng hơn Bình 5 kg. Hỏi Hải cân nặng bao nhiêu kilôgam?</p> <p>Bài giải</p> <p>Bạn Bình cân nặng là:</p> $27 + 5 = 32 \text{ (kg)}$ <p>Đáp số: 32 kg.</p> <p>3/</p> <p>- Đọc đề bài và quan sát hình biểu diễn.</p> <p>Bài giải</p> <p>Quãng đường từ nhà bạn Phương đến xã Đình Xá là:</p> $20 - 11 = 9 \text{ (km)}$ <p>Đáp số: 9 km.</p>

-Chuẩn bị: Ôn tập về hình học.	
--------------------------------	--

Tuần : 34

Ngày 8/5/2017

## ÔN TẬP VỀ HÌNH HỌC

### I.MỤC TIÊU : Giúp HS :


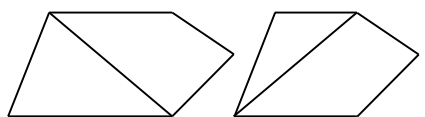
- Nhận dạng được và gọi đúng tên hình tứ giác, hình chữ nhật, đường thẳng, đường gấp khúc, hình tam giác, hình vuông, đoạn thẳng.

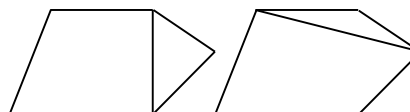
- Biết vẽ hình theo mẫu.

### II.ĐỒ DÙNG DẠY – HỌC :

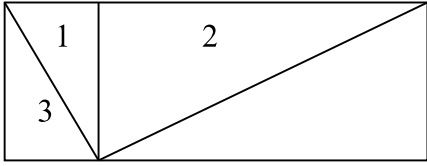
- Bảng phụ.

### III.CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC :

HOẠT ĐỘNG THẦY	HOẠT ĐỘNG TRÒ
<p><b>1.Ôn định :</b></p> <p><b>2.Bài cũ :</b> Ôn tập về đại lượng (TT). - Hỏi: Trong một ngày em dành nhiều thời gian cho hoạt động nào nhất ? Đó là hoạt động nào ? GV nhận xét.</p> <p><b>3.Bài mới :</b></p> <p><b>*Giới thiệu bài :</b></p> <p><b>*Hướng dẫn ôn tập.</b></p> <p><b>◆Bài 1:</b> - Chỉ từng hình vẽ trên bảng và yêu cầu HS đọc tên của từng hình.</p> <p><b>◆Bài 2 :</b> - Cho HS phân tích để thấy hình ngôi nhà gồm 1 hình vuông to làm thân nhà, 1 hình vuông nhỏ làm cửa sổ, 1 hình tứ giác làm mái nhà, sau đó yêu cầu các em vẽ hình vào vở bài tập.</p> <p><b>◆Bài 3 :</b> - Gọi 1 HS đọc đề bài. - Vẽ hình phần a lên bảng, sau đó dùng thước để chia thành 2 phần, có thể thành hoặc không thành 2 hình tam giác, sau đó yêu cầu HS lựa chọn cách vẽ đúng. - Yêu cầu HS suy nghĩ và tự làm phần b.</p>	<p>- Ht vui</p> <p>- 2 HS nêu, bạn nhận xét.</p> <p>1/ - Đọc tên hình theo yêu cầu.</p> <p>2/ - HS phân tích hình. - HS vẽ hình vào vở bài tập.</p> <p>3/ - Đọc đề bài trong SGK. - Lựa chọn cách vẽ và lên bảng vẽ.</p> <p></p> <p>-Làm bài.</p> <p></p>





<p>Chữa bài HS.</p> <p><b>◆ Bài 4 :</b>          - Vẽ hình của bài tập lên bảng, có đánh số các phần hình.</p> <p>- Hình bên có mấy hình tam giác, là những tam giác nào?</p> <p>- Có bao nhiêu hình chữ nhật, đó là những hình nào?</p> <p><b>4. Củng cố:</b>          - Nhắc lại nội dung bài đ học</p> <p><b>5. Dặn dò :</b>          - Chuẩn bị: Ôn tập về hình học (TT).</p>	<p>4/          - 1 HS đọc y/ c BT.</p>  <p>- Có 5 hình tam giác, là: hình 1, hình 2, hình 3, hình 4, hình (1 + 2)          - Có 3 hình chữ nhật, đó là: hình (1 + 3), hình (2 + 4), hình (1 + 2 + 3 + 4).</p>
---	---

Tuần : 34  
 Ngày 9/5/2017

### ÔN TẬP VỀ HÌNH HỌC (tt)

#### I. MỤC TIÊU : Giúp HS :

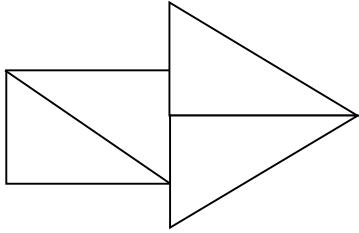
- Biết tính độ dài đường gấp khúc, chu vi hình tam giác, hình tứ giác.
- Biết xếp hình đơn giản.

#### II. ĐỒ DÙNG DẠY – HỌC :

- Bảng phụ.

#### III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC :

HOẠT ĐỘNG THẦY	HOẠT ĐỘNG TRÒ
<p><b>1. Ôn định :</b></p> <p><b>2. Bài cũ : Ôn tập về hình học.</b>            - Gọi HS nêu tên một số hình như: tam giác, tứ giác, hình vuông, hình chữ nhật.            - GV nhận xét.</p> <p><b>3. Bài mới :</b>  <b>*Giới thiệu bài :</b>  <b>*Hướng dẫn ôn tập.</b></p> <p><b>◆ Bài 1</b>            - Gọi HS đọc y/c BT.            - Yêu cầu HS nêu cách tính độ dài đường gấp khúc, sau đó làm bài và báo cáo kết quả.            -GV nhận xét bài làm HS.</p>	<p>- Ht vui</p> <p>-HS nêu.            -Bạn nhận xét.</p> <p>1/            - 1 HS đọc.            - Đọc tên hình theo yêu cầu.            - HS làm vở – 2 HS làm bảng phụ.</p> <p>Bài giải            a)Độ dài đường gấp khúc ABCD là:  <math>3 + 2 + 4 = 9 ( \text{ cm } )</math>            Đáp số: 9 cm            b)Độ dài đường gấp khúc GHIKM là:  <math>20 \times 4 = 80 ( \text{ mm } )</math></p>

<p>♦ <b>Bài 2 :</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cho HS đọc đề bài.</li> <li>- HS phân tích đề.</li> <li>- Cho HS tự làm.</li> <li>- Chấm 5 vở – NX.</li> <li>- NX bài ở bảng phụ.</li> <li>- Yêu cầu HS nêu cách tính chu vi của hình tam giác</li> <li>- GV nhận xét .</li> </ul> <p>♦ <b>Bài 3; 4: ( HS tự suy nghĩ tìm cách giải )</b></p> <p>♦ <b>Bài 5 :</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tổ chức cho HS thi xếp hình.</li> <li>- Trong thời gian 5 phút, đội nào có nhiều bạn xếp hình xong, đúng thì đội đó thắng cuộc.</li> </ul> <p><b>4.Củng cố:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhắc lại nội dung bài đ học</li> </ul> <p><b>5.Dặn dò :</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chuẩn bị : Luyện tập chung.</li> </ul>	<p>Đáp số : 80 mm</p> <p>2/</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>-1 HS đọc.</li> <li>-HS nêu lại đề bài.</li> <li>-1 HS làm bảng phụ – cả lớp làm vở</li> <li>-Nhận xét – Bổ sung.</li> <li>- 2 HS nêu.</li> </ul> <p>5/</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- HS thực hành theo y/ c GV.</li> </ul> 
--	--

Tuần : 35

Ngày 10/5/2017

### LUYỆN TẬP CHUNG

#### I.MỤC TIÊU : Giúp HS:

- Biết đọc, viết, so sánh các số trong phạm vi 1000. Thuộc bảng trừ trong phạm vi 20.

- Biết xem đồng hồ, vẽ hình.

#### II.ĐỒ DÙNG DẠY – HỌC :

- Bảng phụ.

#### III.CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC :

HOẠT ĐỘNG THẦY	HOẠT ĐỘNG TRÒ
<p><b>1.Ôn định :</b></p> <p><b>2.Bài cũ : Ôn tập về hình học ( tt ).</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV đính BT:</li> <li>Một hình tứ giác có độ dài mỗi cạnh là 5 m. Hãy tính chu vi hình tứ giác đó.</li> <li>-Chu vi của hình tứ giác đó là:</li> <li style="padding-left: 40px;"><math>5 \times 4 = 20 ( \text{ cm } )</math>.</li> <li>-GV nhận xét</li> </ul> <p><b>3.Bài mới :</b></p> <p><b>*Giới thiệu bài :</b></p> <p><b>*Hướng dẫn ôn tập.</b></p> <p>♦ <b>Bài 1: Số ?</b></p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Ht vui</li> <li>-HS đọc đề bài.</li> <li>-HS làm bảng con ( chhi ghi phép tính )</li> <li style="padding-left: 40px;"><math>5 \times 4 = 20 ( \text{ cm } )</math>.</li> </ul> <p>1/</p>

<ul style="list-style-type: none"> <li>- Cho HS đọc đề bài.</li> <li>- Yêu cầu HS tự làm bài.</li> <li>- Nhận xét bài ở bảng phụ.</li> <li>- Sau đó gọi HS đọc bài làm của mình trước lớp.</li> <li>♦<b>Bài 2:</b> &gt;, &lt;, = ?</li> <li>- GV nêu y/ c BT.</li> <li>- Cho HS tự làm.</li>   <li>- Nhận xét bài làm của HS.</li> <li>- Yêu cầu HS nhắc lại cách so sánh số có 3 chữ số.</li> <li>♦<b>Bài 3 :</b> ( cột 1, cột 2 HS về tự suy nghĩ tìm kết quả )</li> <li>- Yêu cầu HS tính nhẩm và ghi kết quả tính vào ô trống.</li> <li>- Gọi HS tính nhẩm trước lớp.</li> <li>- HS nhận xét.</li> <li>♦<b>Bài 4 :</b> Mỗi đồng hồ ứng với cách đọc nào ?</li> <li>- Yêu cầu HS xem đồng hồ và đọc giờ ghi trên từng đồng hồ theo nhóm đôi ( 3' )</li> <li>- GV nhận xét.</li> <li>♦<b>Bài 5 :</b> Vẽ hình theo mẫu</li> <li>- Hướng dẫn HS nhìn mẫu, chấm các điểm có trong hình, sau đó nối các điểm này để có hình vẽ như mẫu.</li> <li>- GV nhận xét.</li> <li><b>4.Củng cố:</b></li> <li>- Nhắc lại nội dung bài đ học</li> <li><b>5.Dặn dò :</b></li> <li>-Chuẩn bị : Luyện tập chung.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>-1 HS đọc.</li> <li>-HS tự làm vào vở – 1 HS làm bảng phụ.</li> <li>-HS nhận xét.</li> <li>-2 HS đọc bài làm của mình trước lớp.</li> <li>2/</li> <li>-1 HS đọc.</li> <li>-HS làm vở – 1 HS làm bảng phụ.</li> <li>- Nhận xét.</li> <li>- 2 HS nhắc lại cách so sánh số.</li> <li>-HS làm bài.</li>   <li>3/</li> <li>-HS nhẩm (2')</li> <li>HS nêu. Ví dụ: 9 cộng 6 bằng 15, 15 trừ 8 bằng 7.</li> <li>- HS nhận xét.</li> <li>4/</li> <li>- HS thực hành theo nhóm đôi xem đồng hồ và đọc giờ ghi trên từng đồng hồ. Bọn nhận xét.</li> <li>- HS trình bày –nhận xét.</li> <li>5/</li> <li>- HS nhìn mẫu, chấm các điểm có trong hình, sau đó nối các điểm này để có hình vẽ như mẫu.</li> </ul>
---	---

## LUYỆN TẬP CHUNG

### I.MỤC TIÊU : Giúp HS :

- Thuộc bảng nhân chia đã học để tính nhẩm. Biết làm tính cộng, trừ có nhớ trong phạm vi 100.
- Biết tính chu vi hình tam giác.

### II.ĐỒ DÙNG DẠY – HỌC :

- Bảng phụ.

### III.CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC :

HOẠT ĐỘNG THẦY	HOẠT ĐỘNG TRÒ
<p><b>1.Ổn định :</b></p> <p><b>2.Bài cũ : Luyện tập chung.</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Yêu cầu HS xem đồng hồ và đọc giờ ghi trên từng đồng hồ: 6 giờ 15 phút; 12 giờ.</li> <li>- GV nhận xét.</li> </ul> <p><b>3.Bài mới :</b></p> <p><b>*Giới thiệu bài :</b></p> <p><b>*Hướng dẫn ôn tập.</b></p> <p><b>◆Bài 1:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Yêu cầu HS đọc y/ c BT.</li> <li>- Cho HS nhẩm ( 4' )vào vở.</li> <li>- HS nêu kết quả nối tiếp.</li> <li>- GV nhận xét.</li> </ul> <p><b>◆Bài 2 :</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV nêu y/ c BT.</li> <li>- Cho HS làm bảng con.</li> <li>- Nhận xét HS bài làm.</li> <li>- Yêu cầu HS nhắc lại cách đặt tính và tính.</li> </ul> <p><b>◆Bài 3 :</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cho HS đọc đề bài.</li> <li>- Hướng dẫn HS phân tích đề bài.</li> <li>- Cho HS làm vở.</li> <li>- Gọi HS trình bày bảng phụ.</li> <li>- GV nhận xét.</li> <li>- Yêu cầu HS nhắc lại cách tính chu vi hình tam giác.</li> </ul> <p><b>◆Bài 4 :</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Gọi 1 HS đọc đề bài.</li> </ul> <p>- Bài toán thuộc dạng toán gì?</p> <p>- Muốn biết bao gạo cân nặng bao nhiêu kilôgam ta làm ntn?</p> <p>- Yêu cầu HS làm bài.</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Ht vui</li> <li>-HS xem đồng hồ và đọc giờ ghi trên từng đồng hồ.</li> <li>-Bạn nhận xét.</li> <li>1/</li> <li>-1 HS đọc.</li> <li>-HS nhẩm vào vở.</li> <li>-Nêu kết quả nối tiếp.</li> <li>- HS vỗ tay nếu đúng.</li> <li>2/</li> <li>-1 HS đọc y/ c BT.</li> <li>-HS làm bảng con.</li> <li>- Nhận xét.</li> <li>- 2 HS nêu.</li> <li>3/</li> <li>-1 HS đọc.</li> <li>-HS nêu.</li> <li>-HS làm vào vở – Đổi vở kiểm tra chéo.</li> <li>-Nhận xét bài bảng phụ.</li> <li>- 1 HS nêu.</li> <li>4/ Bao ngô cân nặng 35kg, bao gạo nặng hơn bao ngô 9kg. Hỏi bao gạo cân nặng bao nhiêu kilôgam?</li> <li>- Bài toán thuộc dạng toán nhiều hơn.</li> <li>- Ta thực hiện phép cộng 35kg + 9kg.</li> </ul> <p style="text-align: center;">Bài giải</p> <p style="text-align: center;">Bao gạo nặng là:</p> <p style="text-align: center;"><math>35 + 9 = 44</math> (kg)</p> <p style="text-align: center;"><u>Đáp số:</u> 44kg.</p>

- Chấm 5 vở – nhận xét.  -GV nhận xét. <b>♦Bài 5 : ( HS tự làm )</b> <b>4.Củng cố:</b> - Nhắc lại nội dung bài đ học <b>5.Dặn dò :</b> -Chuẩn bị : Luyện tập chung.	- Nhận xét bài ở bảng phụ.
--	----------------------------

Tuần : 35

Ngày 12/5/2017

## LUYỆN TẬP CHUNG

### I.MỤC TIÊU : Giúp HS :

- Biết xem đồng hồ. Biết làm tính cộng, trừ có nhớ trong phạm vi 100. Biết làm tính cộng trừ không nhớ các số có ba chữ số.

- Biết tính giá trị của biểu thức số có hai dấu phép tính. Biết tính chu vi hình tam giác.

### II.ĐỒ DÙNG DẠY – HỌC :

-Bảng phụ. Mô hình đồng hồ.

### III.CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC :

HOẠT ĐỘNG THẦY	HOẠT ĐỘNG TRÒ
<p><b>1.Ôn định :</b></p> <p><b>2.Bài cũ : Luyện tập chung.</b>            -Cho HS chọn kết quả đúng phép tính sau:  <math>45 + 10 - 20 = ?</math>            A. 65      B . 35      C. 55            - GV nhận xét.</p> <p><b>3.Bài mới :</b>  <b>*Giới thiệu bài :</b> Luyện tập chung.  <b>*Hướng dẫn ôn tập.</b>  <b>♦Bài 1:</b>            - Cho HS nêu y/c BT.            - Yêu cầu HS xem đồng hồ và đọc giờ trên đồng hồ theo nhóm đôi ( 2' )            - Tổ chức cho HS trình bày.            - Nhận xét.  <b>♦Bài 2 :</b>            - GV nêu y/c BT.            -Cho HS tự làm sau đó nêu miệng kết quả.            Yêu cầu HS nhắc lại cách so sánh các số có 3 chữ số với nhau.</p> <p><b>♦Bài 3 : Đặt tính rồi tính.</b>            - Cho HS làm bảng con            - GVNX.            - Yêu cầu HS nhắc lại cách đặt tính và</p>	<p>- Ht vui</p> <p>- HS làm bảng con.</p> <p>1/            -1 HS nêu.            -Thảo luận nhóm đôi.</p> <p>- HS trình bày miệng.            -NX.</p> <p>2/            -1 HS đọc BT.            -HS làm vở – Nêu kết quả            -NX.            -HS đổi vở kiểm chéo</p> <p>3/            -HS nêu y/ c BT.            -HS làm bảng con.            - 2 HS nêu.</p>

<p>thực hành tính theo cột dọc.</p> <p><b>♦ Bài 4 :</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cho HS nêu y/c BT.</li> <li>- Cho HS tự làm vào vở</li> <li>- Chữa bài và ghi điểm HS.</li> <li>- Gọi HS nêu thứ tự thực hiện dãy tính.</li> </ul> <p><b>* Bài 5 :</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Gọi HS đọc đề bài.</li> <li>- Gọi HS phân tích đề.</li> <li>- Cho HS tự làm.</li> <li>- GV chấm 5 vở – Nhận xét.</li> <li>- Nhận xét bài ở bảng phụ.</li> <li>- Yêu cầu HS nhắc lại cách tính chu vi hình tam giác.</li> </ul> <p><b>4. Củng cố:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhắc lại nội dung bài đã học</li> </ul> <p><b>5. Dặn dò :</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chuẩn bị : Luyện tập chung.</li> </ul>	<p>4/</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- 1 HS nêu.</li> <li>- HS làm ở – 2 HS làm bảng phụ.</li> <li>- HS trình bày.</li> <li>- 1 HS nêu.</li> </ul> <p>5/</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thực hiện yêu cầu của GV.</li> <li>- 2 HS nêu</li> <li>- 1 HS làm bảng phụ – cả lớp làm vở.</li> <li>- Nhận xét.</li> </ul> <p style="text-align: center;">Bài giải</p> <p>Chu vi của hình tam giác là:</p> $5 \times 3 = 15 \text{ ( cm )}.$ <p>Đáp số: 15 cm</p>
--	--

## LUYỆN TẬP CHUNG

### I.MỤC TIÊU : Giúp HS :

- Biết so sánh các số. Biết làm tính cộng, trừ có nhớ trong phạm vi 100. biết làm tính cộng, trừ không nhớ các số có ba chữ số.
- Biết giải bài toán về ít hơn có liên quan đến đơn vị đo độ dài.

### II.ĐỒ DÙNG DẠY – HỌC :

- Bảng phụ.

### III.CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC :

HOẠT ĐỘNG THẦY	HOẠT ĐỘNG TRÒ
<p><b>1.Ổn định :</b></p> <p><b>2.Bài cũ : Luyện tập chung.</b></p> <ul style="list-style-type: none"><li>- Cho HS đọc bảng chia 4, 5.</li><li>- Nhận xét.</li><li>- GV nhận xét.</li></ul> <p><b>3.Bài mới :</b></p> <p><b>*Giới thiệu bài :</b> Luyện tập chung.</p> <p><b>* Hướng dẫn ôn tập.</b></p> <p><b>◆Bài 1: Tính nhẩm.</b></p> <ul style="list-style-type: none"><li>- Gọi HS đọc y/c BT.</li><li>- Yêu cầu HS tự nhẩm và ghi kết quả vào vở bài tập.</li><li>- Cho HS nêu miệng kết quả nối tiếp.</li></ul> <p><b>* Bài 2 : &lt;, &gt;, = ?</b></p> <ul style="list-style-type: none"><li>- Cho HS nêu y/c BT.</li><li>- Y/ c HS tự làm và đổi vở.</li><li>- Y/c HS trình bày kết quả.</li><li>- GV nhận xét.</li><li>- Yêu cầu HS nhắc lại cách so sánh các số có 3 chữ số.</li></ul> <p><b>◆Bài 3 :</b></p> <ul style="list-style-type: none"><li>- Cho HS đọc y/c BT.</li><li>- y/ c HS làm bảng con.</li><li>- GV nhận xét.</li><li>- Yêu cầu HS nhắc lại cách đặt tính và thực hành tính theo cột dọc.</li></ul> <p><b>◆Bài 4 :</b></p> <ul style="list-style-type: none"><li>- Gọi 1 HS đọc đề bài.</li></ul> <p>- Bài toán thuộc dạng toán gì? - Yêu cầu HS làm bài. - Chấm 5 vở –nhận xét. - Chữa bài HS.</p>	<p>- Ht vui</p> <p>-2 HS thực hiện. -HS nhận xét.</p> <p>1/ -1 HS đọc. -Nhẩm kết quả.</p> <p>- Nêu kết quả.</p> <p>2/ - 1 HS nêu y/c. - Tự làm bài, sau đó 2 HS ngồi cạnh nhau đổi chéo vở để kiểm tra bài nhau. - 1 HS nêu.</p> <p>3/ -Đọc y/ c BT. -HS làm bảng con. - Nhận xét. - 2 HS nêu.</p> <p>4/ - Tắm vải xanh dài 40m, tắm vải hoa ngắn hơn tắm vải xanh 16m. Hỏi tắm vải hoa dài bao nhiêu mét? - Bài toán thuộc dạng ít hơn. - 1 HS làm bài ở bảng phụ, cả lớp làm bài vào.</p> <p style="text-align: center;">Bài giải Tắm vải hoa dài là: <math>40 - 16 = 24</math> (m) <u>Đáp số:</u> 24m.</p>

<p><b>♦ Bài 5 :</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Gọi HS đọc đề bài.</li> <li>- Yêu cầu HS đo độ dài các cạnh của hình tam giác, sau đó làm bài.</li> <li>- Chữa bài, nhận xét HS.</li> </ul> <p><b>4. Củng cố:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhắc lại nội dung bài đã học</li> </ul> <p><b>5. Dặn dò :</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kiểm tra cuối HKII.</li> </ul>	<p>5/</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- 1 HS đọc.</li> <li>- HS đo các cạnh hình tam giác.</li> <li>- HS tự làm bài.</li> <li>- HS nhận xét bài làm của bạn ở bảng phụ.</li> </ul> <p>AB = 4 cm; AC = 4 cm; BC = 3 cm</p> <p>Bài giải</p> <p>Chu vi hình tam giác ABC là:</p> $4 + 4 + 3 = 11 \text{ ( cm )}$ <p>Đáp số: 11 cm.</p>
---	--

## KIỂM TRA CUỐI HKII